



Công ty Cổ phần SPM

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011

Công ty Cổ phần SPM
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 4102004241 **ngày** 26 tháng 3 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 0302271207 **ngày** 15 tháng 6 năm 2011

Giấy phép đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh 17 lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy chứng nhận đầu tư số 0302271207 ngày 15 tháng 6 năm 2011. Giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đầu tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và có giá trị trong 46 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Dào Hữu Hoàng Đỗ Thị Mai Dào Hữu Khôi Nguyễn Thế Kỳ Huỳnh Phú Hải	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	---	--

Ban Giám đốc	Nguyễn Thế Kỳ Huỳnh Phú Hải Văn Tất Chiến	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
---------------------	---	---

Trụ sở đăng ký	Lô 51, Đường số 2 Khu Công nghiệp Tân Tạo Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
-----------------------	--

Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	-------------------------------



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần SPM**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán định kèm của Công ty Cổ phần SPM ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 9 tháng 4 năm 2012. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Trừ phần đã được miêu tả trong cơ sở ý kiến loại trừ, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến loại trừ

Chúng tôi đề cập đến thuyết minh số 29 của báo cáo tài chính, miêu tả việc điều chỉnh lại số liệu so sánh thực hiện bởi Ban Giám Đốc trong quá trình lập các báo cáo tài chính này. Ban Giám Đốc cho rằng việc ghi nhận doanh thu thanh lý khoản đầu tư 20% trong Dự án đất Phú Hữu cho Công ty TNHH Phát triển Sản xuất hàng Gia dụng và Công Nghiệp là không đủ điều kiện ghi nhận trong năm 2010, dựa vào các điều khoản của hợp đồng ba bên số 0350/2010/SPM-DT-MHI ("Tài liệu A") ngày 22 tháng 12 năm 2010, được ký giữa Công ty Cổ phần SPM, Công ty Dược phẩm Đô Thành và Công ty TNHH Phát triển Sản xuất hàng Gia dụng và Công Nghiệp. Theo đó, Ban Giám Đốc cho rằng việc ghi nhận thu nhập phát sinh từ việc thanh lý này vào doanh thu tài chính trên báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là sai sót và do đó đã điều chỉnh lại các số liệu so sánh tương ứng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, như trình bày chi tiết trong thuyết minh số 29. Bản sao hợp đồng này được cung cấp cho chúng tôi vào ngày 28 tháng 3 năm 2012.

Chúng tôi nhận thấy rằng các điều khoản của hợp đồng này khác với các điều khoản trong hợp đồng số 0350/2010/SPM-DT-MHI ("Tài liệu B") ngày 22 tháng 12 năm 2010, được ký giữa Công ty Cổ phần SPM, Công ty Dược phẩm Đô Thành và Công ty TNHH Phát triển Sản xuất hàng Gia dụng và Công Nghiệp mà Công ty đã cung cấp cho chúng tôi vào ngày 24 tháng 2 năm 2011 như là chứng từ cho việc ghi nhận khoản doanh thu tài chính là 45 tỷ VND liên quan đến việc bán khoản đầu tư 20% trong Dự án đất Phú Hữu trong báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Chúng tôi không thể xác định Tài liệu A có tồn tại vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 hay không, có thay thế Tài liệu B hay không và tài liệu nào có hiệu lực thực hiện, và vì vậy không thể xác định được việc ghi nhận doanh thu liên quan trên báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 có phải là sai sót hay không. Nếu đây không phải là sai sót, việc điều chỉnh lại số liệu so sánh sẽ không còn phù hợp và ảnh hưởng của các thay đổi theo các điều khoản của hợp đồng, nếu có hiệu lực sau ngày 31 tháng 12 năm 2010, sẽ phải được điều chỉnh vào kết quả hoạt động của năm 2011 và/hoặc các năm sau đó.

Ý kiến kiểm toán loại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của những vấn đề nêu trong đoạn cơ sở ý kiến loại trừ, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SPM tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh và các lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 11-01-152



Chong Kwang Puay

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 4 năm 2012

Công ty Cổ phần SPM

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND (Điều chỉnh lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		449.292.002.339	350.361.043.631
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	8.767.076.837	7.491.575.099
Tiền	111		3.927.076.837	4.246.575.099
Các khoản tương đương tiền	112		4.840.000.000	3.245.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	5	158.398.223.149	124.155.966.149
Các khoản phải thu	130	6	235.148.939.676	191.115.407.526
Phải thu thương mại	131		201.672.863.052	176.237.015.232
Trả trước cho người bán	132		8.453.891.195	8.475.668.111
Phải thu khác	135		25.545.582.679	6.926.121.433
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(523.397.250)	(523.397.250)
Hàng tồn kho	140	7	44.379.395.281	26.302.988.044
Hàng tồn kho	141		45.240.670.228	26.597.426.441
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(861.274.947)	(294.438.397)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.598.367.396	1.295.106.813
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		745.987.988	570.951.292
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.447.190.945	325.302.113
Tài sản ngắn hạn khác	154		405.188.463	398.853.408
Tài sản dài hạn	200		593.849.414.617	593.742.901.535
Tài sản cố định	220		412.276.159.927	424.129.110.690
Tài sản cố định hữu hình	221	8	122.675.435.323	136.451.325.460
<i>Nguyên giá</i>	222		193.816.783.524	192.002.252.146
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(71.141.348.201)	(55.550.926.686)
Tài sản cố định vô hình	227	9	6.472.146.818	6.740.949.790
<i>Nguyên giá</i>	228		8.240.916.178	8.238.416.178
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.768.769.360)	(1.497.466.388)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	283.128.577.786	280.936.835.440
Đầu tư dài hạn	250	11	181.529.424.505	169.613.790.845
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		69.968.728.660	58.058.095.000
Đầu tư dài hạn khác	258		111.560.695.845	111.555.695.845
Tài sản dài hạn khác	260		43.830.185	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		43.830.185	-
TỔNG TÀI SẢN	270		1.043.141.416.956	944.103.945.166

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần SPM

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND (Điều chỉnh lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		452.689.772.706	375.630.233.738
Nợ ngắn hạn	310		452.631.279.486	375.431.468.233
Vay ngắn hạn	311	12	148.410.963.356	90.248.280.149
Phải trả người bán	312		36.793.081.426	47.267.807.487
Người mua trả tiền trước	313		2.033.204.628	-
Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	314	13	6.803.127.456	5.622.526.595
Phải trả người lao động	315		994.985.606	684.424.385
Chi phí phải trả	316		689.065.182	257.110.400
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	256.906.851.832	231.351.319.217
Nợ dài hạn	330		58.493.220	198.765.505
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	95.354.285
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	15	58.493.220	103.411.220
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		590.451.644.250	568.473.711.428
Vốn chủ sở hữu	410		590.451.644.250	568.473.711.428
Vốn cổ phần	411	16	140.000.000.000	140.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		210.885.368.500	210.885.368.500
Cổ phiếu quỹ	414	16	(10.036.370.000)	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		249.602.645.750	217.588.342.928
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.043.141.416.956	944.103.945.166

Người lập:

Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần SPM

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND (Điều chỉnh lại)
Tổng doanh thu	01	17	350.603.159.739	369.186.705.651
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	(28.404.215.675)	(19.514.169.673)
Doanh thu thuần	10	17	322.198.944.064	349.672.535.978
Giá vốn hàng bán	11	18	(224.092.601.698)	(231.033.499.438)
Lợi nhuận gộp	20		98.106.342.366	118.639.036.540
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	29.079.018.475	23.920.269.980
Chi phí tài chính	22	20	(23.504.364.628)	(13.550.570.126)
Chi phí bán hàng	24		(33.414.299.886)	(18.501.324.897)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(8.798.233.327)	(9.029.756.023)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		61.468.463.000	101.477.655.474
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	21	275.988.527	720.108.785
Chi phí khác	32	22	(172.289.194)	(358.445.746)
Lợi nhuận trước thuế	50		61.572.162.333	101.839.318.513
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	23	(2.103.043.981)	(4.298.992.697)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoàn lại	52	23	139.184.470	(95.354.285)
Lợi nhuận sau thuế	60		59.608.302.822	97.444.971.531
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	4.295	7.407

Người lập:

Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng



Người duyệt:

~~• Nguyễn Thế Kỷ
Tổng Giám đốc~~

Ngày 9 tháng 4 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần SPM

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	100.000.000.000	-	-	142.543.371.397	242.543.371.397
Vốn cổ phần phát hành	40.000.000.000	210.885.368.500	-	-	250.885.368.500
<i>Lợi nhuận thuần trong năm – đã báo cáo trước đây</i>	-	-	-	131.194.971.531	131.194.971.531
<i>Điều chỉnh sai sót (thuyết minh 29)</i>	-	-	-	(33.750.000.000)	(33.750.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm – điều chỉnh lại	-	-	-	97.444.971.531	97.444.971.531
Cổ tức	-	-	-	(22.400.000.000)	(22.400.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011 – điều chỉnh lại (thuyết minh 29)	140.000.000.000	210.885.368.500	-	217.588.342.928	568.473.711.428
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(10.036.370.000)	-	(10.036.370.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	59.608.302.822	59.608.302.822
Cổ tức (thuyết minh 25)	-	-	-	(27.594.000.000)	(27.594.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	249.602.645.750	590.451.644.250

Người lập:

Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc



Ngày 9 tháng 4 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần SPM

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		61.572.162.333	101.839.318.513
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		15.984.650.677	15.993.256.143
Các khoản dự phòng	03		955.457.996	795.799.801
Lợi nhuận từ các hoạt động đầu tư	05		(28.901.331.080)	(23.720.578.990)
Chi phí lãi vay	06		20.223.161.136	8.311.197.727
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		69.834.101.062	103.218.993.194
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(28.585.489.904)	(67.660.661.358)
Biến động hàng tồn kho	10		(19.031.865.233)	2.819.755.689
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(9.854.852.696)	11.786.014.087
			12.361.893.229	50.164.101.612
Tiền lãi vay đã trả	13		(19.940.296.050)	(8.311.197.727)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(1.115.104.325)	(3.690.822.148)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ các hoạt động kinh doanh	20		(8.693.507.146)	38.162.081.737

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần SPM

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
LUU CHUYEN TIEN TU HOAT DONG DAU TU				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.131.699.914)	(131.809.956.999)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		11.329.091	172.125.000
Tiền chi mua các công cụ nợ của các bên liên quan	23		(39.678.400.000)	(123.775.907.149)
Tiền thu hồi từ việc bán các công cụ nợ của các bên liên quan	24		5.436.143.000	-
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		(11.915.633.660)	(141.338.790.845)
Tiền thu lãi cho vay	27		12.138.699.160	11.620.370.390
Tiền thuần chi cho các hoạt động đầu tư	30		(38.139.562.323)	(385.132.159.603)
LUU CHUYEN TIEN TU CAC HOAT DONG TAI CHINH				
Tiền thu từ phát hành vốn	31		-	250.885.368.500
Tiền chi mua cổ phiếu quỹ	32		(10.036.370.000)	-
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		315.027.279.547	392.080.597.480
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(256.864.596.340)	(265.294.237.948)
Tiền chi trả cổ tức	36		(17.742.000)	(26.394.083.850)
Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính	40		48.108.571.207	351.277.644.182
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.275.501.738	4.307.566.316
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		7.491.575.099	3.184.008.783
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4	8.767.076.837	7.491.575.099

Công ty Cổ phần SPM

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	2011 VND	2010 VND
Cổ tức tái đầu tư vào công ty liên kết	-	12.250.000.000

Người lập:

Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2012

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần SPM ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh mỹ phẩm, thực phẩm; sản xuất dược phẩm; cho thuê kho bãi và văn phòng; cho thuê nhà kho; kinh doanh dược phẩm; kinh doanh căn hộ; kinh doanh thiết bị y tế; khai thác kim loại, đá, cát, sỏi, quặng đất sét; sản xuất và kinh doanh thực phẩm chức năng; kinh doanh các loại máy móc, thiết bị và phụ tùng; kinh doanh vật liệu và các thiết bị xây dựng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 7 tháng 5 năm 2010.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 257 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 243 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Niên độ kế toán

Nhiều năm kế toán của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Công ty áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Việc áp dụng thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định giá trị hoặc trình bày các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính của Công ty. Các thuyết minh báo cáo tài chính quy định trong Thông tư 210 không trình bày các số liệu so sánh do áp dụng phi hồi tố.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKT 10”) – *Ánh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(f) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư, bao gồm cả các khoản đầu tư vào các công ty liên kết, được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị thị trường của khoản đầu tư giảm xuống dưới giá trị ghi sổ hoặc khi bên nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(h) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	8 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	10 năm
▪ phương tiện vận tải	5 – 10 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 46 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

(iii) Bản quyền sáng chế

Chi phí mua lại bản quyền sáng chế được vốn hóa thành tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(l) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bằng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(o) Doanh thu

(i) Hàng hóa đã bán

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Thu nhập cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(p) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến Ban Giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận địa lý duy nhất là Việt Nam. Bộ phận báo cáo chính của công ty là báo cáo bộ phận kinh doanh bao gồm hai bộ phận chính là sản xuất, kinh doanh thuốc và bất động sản.

(t) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

	Dược phẩm		Bất động sản		Không phân bổ		Tổng	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản								
Tài sản ngắn hạn	423.746.419.660	343.434.922.198	-	-	25.545.582.679	6.926.121.433	449.292.002.339	350.361.043.631
Tài sản dài hạn	131.527.636.582	143.336.757.160	365.934.079.375	365.934.079.375	96.387.698.660	84.472.065.000	593.849.414.617	593.742.901.535
	555.274.056.242	486.771.679.358	365.934.079.375	365.934.079.375	121.933.281.339	91.398.186.433	1.043.141.416.956	944.103.945.166
Nợ phải trả								
Nợ ngắn hạn	236.478.446.236	158.278.634.983	216.152.833.250	217.152.833.250	-	-	452.631.279.486	375.431.468.233
Nợ dài hạn	58.493.220	198.765.505	-	-	-	-	58.493.220	198.765.505
	236.536.939.456	158.477.400.488	216.152.833.250	217.152.833.250	-	-	452.689.772.706	375.630.233.738
Khấu hao và phân bổ	15.984.650.677	15.993.256.143	-	-	-	-	15.984.650.677	15.993.256.143
Các khoản dự phòng	(955.457.996)	-	-	-	-	-	(955.457.996)	-
Mua sắm tài sản	4.131.699.914	131.809.956.999	-	-	-	-	4.131.699.914	131.809.956.999

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	651.537.741	3.856.932.582
Tiền gửi ngân hàng	3.275.539.096	389.642.517
Các khoản tương đương tiền	4.840.000.000	3.245.000.000
	<hr/>	<hr/>
	8.767.076.837	7.491.575.099
	<hr/>	<hr/>

Trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có số ngoại tệ xấp xi 1.398 triệu VND (31/12/2010: 406 triệu VND).

5. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản vay cấp cho các bên liên quan như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty Dược phẩm Đô Thành (a)	68.000.000.000	60.000.000.000
Ông Đào Hữu Hoàng (b)	40.398.223.149	14.155.966.149
Công ty Cổ phần Tập đoàn ASV (c)	50.000.000.000	50.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	158.398.223.149	124.155.966.149
	<hr/>	<hr/>

(a) Khoản cho vay này không được đảm bảo, chịu lãi suất dao động từ 1,0% đến 1,67% một tháng trong năm và phải hoàn trả trong vòng một năm kể từ ngày cho vay. Khoản cho vay này được gia hạn cho kỳ kế tiếp.

(b) Khoản cho vay này không được đảm bảo, chịu lãi suất dao động từ 1,2% đến 1,75% một tháng trong năm và phải hoàn trả trong vòng sáu tháng kể từ ngày cho vay. Khoản cho vay này được gia hạn cho kỳ kế tiếp.

(c) Khoản cho vay này không được đảm bảo, chịu lãi suất dao động từ 1,5% đến 2,0% một tháng trong năm và phải hoàn trả trong vòng ba tháng kể từ ngày cho vay. Khoản cho vay này được gia hạn cho kỳ kế tiếp.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu từ các cổ đông		
Phi thương mại	10.476.302.829	2.000.000.000
Phải thu từ các bên liên quan khác		
Thương mại	198.524.248.993	164.779.714.956
Phi thương mại	50.000.000	950.000.000

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải thu là 60 đối với Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Hữu Nghị và 180 ngày đối với Công ty Dược phẩm Đô Thành kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND (Điều chỉnh lại)
Công ty Cổ phần Tập đoàn ASV – tiền lãi phải thu	13.725.000.000	2.150.000.000
Phải thu các bên liên quan	5.350.000.000	2.950.000.000
Phải thu các bên liên quan – tiền lãi phải thu	5.176.302.829	-
Phải thu khác	1.294.279.850	1.826.121.433
	<hr/>	<hr/>
	25.545.582.679	6.926.121.433

Trong năm không có biến động của dự phòng cho các khoản nợ khó đòi.

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa gắn liền với các khoản phải thu này.

Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 60 ngày ngoại trừ khoản phải thu từ Công ty Dược phẩm Đô Thành được đáo hạn trong 180 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, ngoài số dự phòng đã lập, Công ty không cần lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu thương mại và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	Gộp 31/12/2011 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2011 VND
Trong hạn	132.519.667.248	-
Quá hạn từ 1 – 31 ngày	4.987.129.692	-
Quá hạn từ 31 – 120 ngày	30.983.950.422	
Quá hạn trên 120 ngày	58.727.698.369	523.397.250
	227.218.445.731	523.397.250

7. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Hàng đang chuyển	3.900.251.280	2.620.184.797
Nguyên vật liệu	33.697.440.343	19.867.476.600
Công cụ và dụng cụ	189.273.427	-
Sản phẩm dở dang	6.633.544.562	3.291.274.759
Thành phẩm	820.160.616	818.490.285
	45.240.670.228	26.597.426.441
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(861.274.947)	(294.438.397)
	44.379.395.281	26.302.988.044

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	294.438.397	454.165.581
Tăng dự phòng trong năm	955.457.996	272.402.551
Sử dụng dự phòng trong năm	(388.621.446)	(432.129.735)
Số dư cuối năm	861.274.947	294.438.397

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	70.028.168.118	120.651.208.971	999.814.840	323.060.217	192.002.252.146
Tăng trong năm	-	1.250.599.794	39.877.500	646.980.274	1.937.457.568
Thanh lý	-	(122.926.190)	-	-	(122.926.190)
Số dư cuối năm	70.028.168.118	121.778.882.575	1.039.692.340	970.040.491	193.816.783.524
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	10.241.040.626	44.151.525.683	915.599.122	242.761.255	55.550.926.686
Khấu hao trong năm	2.892.888.804	12.622.720.815	115.206.516	82.531.570	15.713.347.705
Thanh lý	-	(122.926.190)	-	-	(122.926.190)
Số dư cuối năm	13.133.929.430	56.651.320.308	1.030.805.638	325.292.825	71.141.348.201
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	59.787.127.492	76.499.683.288	84.215.718	80.298.962	136.451.325.460
Số dư cuối năm	56.894.238.688	65.127.562.267	8.886.702	644.747.666	122.675.435.323

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 4.968 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 2.932 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 86.639 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 102.287 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm ví tính VND	Bản quyền sáng chế VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	7.281.897.278	71.078.900	885.440.000	8.238.416.178
Tăng trong năm	-	2.500.000	-	2.500.000
Số dư cuối năm	7.281.897.278	73.578.900	885.440.000	8.240.916.178
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.428.511.641	17.304.078	51.650.669	1.497.466.388
Khấu hao trong năm	158.302.116	24.456.852	88.544.004	271.302.972
Số dư cuối năm	1.586.813.757	41.760.930	140.194.673	1.768.769.360
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	5.853.385.637	53.774.822	833.789.331	6.740.949.790
Số dư cuối năm	5.695.083.521	31.817.970	745.245.327	6.472.146.818

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi số là 5.695 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 5.853 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2011 VND
Số dư đầu năm	280.936.835.440
Tăng trong năm	2.191.742.346
 Số dư cuối năm	 283.128.577.786

Trong năm, không có khoản chi phí lãi vay nào được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang (2010: 1.701 triệu VND).

11. Đầu tư dài hạn

	31/12/2011			
	% vốn chủ sở hữu	VND	% vốn chủ sở hữu	VND (Điều chỉnh lại)
Đầu tư dài hạn vào các công ty liên kết				
o Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Hà Land	12,7%	20.111.030.000	25%	20.111.030.000
o Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hữu Nghị	49%	23.250.000.000	49%	23.250.000.000
o Công ty Cổ phần Dược phẩm Ánh Sao Việt	30%	26.607.698.660	30%	14.697.065.000
Đầu tư dài hạn khác				
o Dự án đất Phú Hữu	20%	65.030.695.845	20%	65.030.695.845
o Khác		46.530.000.000		46.525.000.000
		181.529.424.505		169.613.790.845

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

12. Vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất hàng năm	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (a)	VND USD	12,0%-16,1% 5,4%-5,7%	55.541.436.667	29.924.521.560
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ (b)	VND	16,8%-19,0%	69.988.428.861	40.374.885.038
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Tạo (c)	VND	16,8%-20%	22.881.097.828	19.948.873.551
			148.410.963.356	90.248.280.149

- a. Khoản vay bằng USD và VND, được bảo đảm bằng bảo lãnh cá nhân trị giá 2.500.000 Đô la Mỹ từ ông Đào Hữu Hoàng và được đảm bảo bởi hợp đồng bảo hiểm/giấy chứng nhận cho hàng tồn kho tại kho với giá trị tối thiểu là 2.500.000 Đô la Mỹ (2010: 1.500.000 Đô la Mỹ).
- b. Khoản vay này có hạn mức tín dụng tối đa là 70 tỷ VND (2010: 70 tỷ VND). Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 86.639 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 102.287 triệu VND).
- c. Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tín dụng tối đa là 30 tỷ VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác	295.383.984.046	295.383.984.046	295.383.984.046
Các khoản vay ngân hàng	148.410.963.356	154.619.581.988	154.619.581.988
	443.794.947.402	450.003.566.034	450.003.566.034

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, 148 tỷ VND tiền vay ngân hàng của Công ty chịu lãi suất thả nổi. Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm lạm lợi nhuận thuần của Công ty giảm 361 triệu VND.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

13. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND (Điều chỉnh lại)
Thuế giá trị gia tăng	1.477.371.772	1.551.133.890
Thuế nhập khẩu	202.828.546	29.875.643
Thuế thu nhập	4.287.882.943	3.299.943.287
Thuế thu nhập cá nhân	740.344.660	741.573.775
Phí và các khoản phải nộp khác	94.699.535	-
	<hr/> 6.803.127.456	<hr/> 5.622.526.595

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND (Điều chỉnh lại)
Bảo hiểm xã hội và y tế	372.804.723	163.638.484
Cố tức phải trả	27.773.634.750	197.376.750
Phải trả khác cho dự án Long Trường (*)	222.902.833.250	223.902.833.250
Phải trả khác	5.857.579.109	7.087.470.733
	<hr/> 256.906.851.832	<hr/> 231.351.319.217

(*) Khoản phải trả khác cho dự án Long Trường bao gồm các khoản nhận ứng trước từ Công ty Sông Đà 168.150 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 168.150 triệu VND); bà Chu Thị Thu Phương 44.513 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 44.513 triệu VND) và bà Đỗ Thị Hằng 10.240 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 11.240 triệu VND) là những người tham gia trong dự án phát triển căn hộ tại Long Trường, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

15. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động của các khoản dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	VND
Số dư đầu năm	103.411.220
Dự phòng sử dụng trong năm	(44.918.000)
 Số dư cuối năm	 58.493.220

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã góp 94 triệu VND (2010: 61 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

16. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã góp của Công ty là:

	31/12/2011	31/12/2010		
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	14.000.000	140.000.000.000	14.000.000	140.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	14.000.000	140.000.000.000	14.000.000	140.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(230.000)	(10.036.370.000)	-	-
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.770.000	129.963.630.000	14.000.000	140.000.000.000

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Số dư đầu năm	14.000.000	10.000.000
Cổ phần phát hành trong năm	-	4.000.000
Cổ phiếu quỹ mua trong năm	(230.000)	(10.036.370.000)
Số dư cuối năm	13.770.000	14.000.000
	129.963.639.000	140.000.000.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mua lại của Công ty, tất cả các quyền được định chỉ cho đến khi những cổ phiếu được phát hành lại.

Vào tháng 3 năm 2010, Công ty đã phát hành 4.000.000 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu và các cổ đông mới. Các khoản thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá là 210.885.368.500 VND và được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Vào tháng 6 năm 2011, Công ty đã mua lại 230.000 cổ phiếu với mệnh giá 43.636 VND một cổ phiếu. Các cổ phiếu này được hạch toán vào tài khoản cổ phiếu quỹ.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

17. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ cho thuê đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm giá trị tăng.

Doanh thu thuần bao gồm

	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	261.306.775.041	279.064.754.831
▪ Bán hàng hóa	87.550.930.158	88.376.496.278
▪ Thu nhập cho thuê	1.745.454.540	1.745.454.542
	<hr/> 350.603.159.739	<hr/> 369.186.705.651
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(26.189.768.045)	(19.514.169.673)
▪ Chiết khấu hàng bán	(2.214.447.630)	-
	<hr/> (28.404.215.675)	<hr/> (19.514.169.673)
Doanh thu thuần	<hr/> 322.198.944.064	<hr/> 349.672.535.978

18. Giá vốn hàng bán

	2011 VND	2010 VND
Tổng giá vốn hàng bán của		
▪ Thành phẩm đã bán	145.871.868.236	156.865.109.366
▪ Hàng hóa đã bán	78.220.733.462	74.168.390.072
	<hr/> 224.092.601.698	<hr/> 231.033.499.438

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	2011 VND	2010 VND (Điều chỉnh lại)
Lãi tiền gửi	28.728.001.989	11.620.370.390
Lãi chênh lệch tỷ giá	189.016.486	49.899.590
Cổ tức	162.000.000	12.250.000.000
	<hr/>	<hr/>
	29.079.018.475	23.920.269.980
	<hr/>	<hr/>

20. Chi phí tài chính

	2011 VND	2010 VND
Chi phí lãi vay	20.223.161.136	8.311.197.727
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.281.203.492	5.239.372.399
	<hr/>	<hr/>
	23.504.364.628	13.550.570.126
	<hr/>	<hr/>

21. Thu nhập khác

	2011 VND	2010 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	11.329.091	172.125.000
Thu nhập khác	264.659.436	547.983.785
	<hr/>	<hr/>
	275.988.527	720.108.785
	<hr/>	<hr/>

22. Chi phí khác

	2011 VND	2010 VND
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	-	321.916.400
Chi phí khác	172.289.194	36.529.346
	<hr/>	<hr/>
	172.289.194	358.445.746
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

23. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2011 VND	2010 VND (Điều chỉnh lại)
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	2.103.043.981	4.298.992.697
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(139.184.470)	95.354.285
Chi phí thuế thu nhập	<hr/> 1.963.859.511	4.394.346.982
	<hr/>	<hr/>

(b) Đổi chiêu thuế suất thực tế

	2011 VND	2010 VND (Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận trước thuế	61.572.162.333	101.839.318.513
Thuế theo thuế suất của Công ty		
Thu nhập miễn thuế	15.393.040.584	25.459.829.628
Chi phí không được khấu trừ thuế	(40.500.000)	(3.206.416.395)
Ảnh hưởng của ưu đãi về thuế	111.750.014	399.860.803
	(13.500.431.087)	(18.258.927.054)
1.963.859.511	<hr/> 1.963.859.511	4.394.346.982
	<hr/>	<hr/>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế trong 12 năm kể từ năm đầu hoạt động kinh doanh và mức thuế thông thường (hiện tại là 25%) trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2004) và được giảm 50% thuế thu nhập phải nộp trong 7 năm tiếp theo.

Trong năm 2008, Công ty đã đầu tư một dự án mở rộng sản xuất “Xây dựng nhà máy dược phẩm mới” và dự án này được đưa vào sử dụng vào năm 2009. Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm đầu và được giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo tính theo lợi nhuận thu được từ dự án này. Năm 2009 là năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế của dự án này. Theo thông tư số 154/2011/TT-BTC (“Thông tư 154”) do Bộ Tài Chính ban hành ngày 11 tháng 11 năm 2011, hoạt động của Công ty thỏa mãn định nghĩa Doanh Nghiệp Nhỏ và Vừa và do đó công ty được giảm 30 phần trăm chi phí thuế thu nhập hiện hành cho cả năm 2011.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2011 VND	2010 VND	(Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông	59.608.302.822	97.444.971.531	

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2011	2010
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	14.000.000	10.000.000
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu vào tháng 3 năm 2010	-	3.156.164
Ảnh hưởng của việc mua lại cổ phiếu quỹ vào tháng 6 năm 2011	(122.694)	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	13.877.306	13.156.164

25. Cổ tức

Ngày 1 tháng 7 năm 2011, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định phân phối cổ tức còn lại cho năm 2010 là 27 tỷ VND.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm, Công ty tiếp tục bán tỷ lệ lớn thành phẩm tới Công ty Dược phẩm Đô Thành, một bên liên quan và cho các bên liên quan khác vay như thuyết minh bên dưới. Số dư và các điều khoản của các giao dịch này được thuyết minh trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này.

	Giá trị giao dịch	
	2011 VND	2010 VND
Công ty Dược phẩm Đô Thành		
Bán thành phẩm và hàng hóa	282.053.806.549	295.451.369.975
Cung cấp dịch vụ	1.745.454.540	1.745.454.542
Cho vay	8.000.000.000	72.000.000.000
Thu lãi tiền vay	12.093.879.999	5.740.000.002
Cấn trừ công nợ phải thu với khoản đầu tư vào dự án Phú Hữu	-	65.030.695.845
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Hà Land		
Góp vốn	-	20.111.030.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hữu Nghị		
Góp vốn	-	11.000.000.000
Cỗ tucus	-	12.250.000.000
Bán hàng hóa	25.718.711.415	31.814.062.053
Cung cấp dịch vụ	73.864.692	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Ánh Sao Việt		
Góp vốn	11.910.633.660	14.697.065.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Cho Công ty vay	-	950.000.000
Vay từ Công ty	31.678.400.000	15.940.640.000
Lương, thường	1.032.989.000	475.675.000
Lãi vay phải thu từ bên liên quan	5.176.302.829	-
Tạm ứng từ Công ty	3.300.000.000	-

Công ty Dược phẩm Đô Thành là công ty được kiểm soát bởi chủ tịch hội đồng quản trị của Công ty.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

27. Nợ phải trả thuần bằng ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần bằng ngoại tệ như sau:

	USD	EUR
Tiền và tương đương tiền	67.155	-
Phải trả người bán	(839.903)	(11.923)
Vay ngắn hạn	(1.501.240)	-
	<hr/>	<hr/>
	(2.273.988)	(11.923)
	<hr/>	<hr/>

Rủi ro tiền tệ của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tiền tệ ngắn hạn vượt mức cho phép.

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày 31/12/2011 VND
USD 1	20.828
EUR 1	27.020
	<hr/>

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Ảnh hưởng trên lãi thuần tại 31/12/2011 VND
USD (mạnh thêm 10%) – giảm lãi thuần	(3.552.196.655)
EUR (mạnh thêm 15%) – giảm lãi thuần	(36.243.790)
	<hr/>

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lãi thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Công ty Cổ phần SPM

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2011 VND	2010 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	116.859.824.222	121.493.810.855
Chi phí nhân công và nhân viên	13.533.270.422	10.309.064.916
Chi phí khấu hao và phân bổ	15.984.650.677	15.993.256.143
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	45.404.699.997	32.612.043.055

29. Điều chỉnh sai sót

Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phát hiện sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Việc thanh lý khoán đầu tư 20% trong Dự án đất Phú Hữu cho Công ty TNHH Phát triển Sản xuất hàng Gia dụng và Công Nghiệp không đáp ứng đủ điều kiện ghi nhận doanh thu. Nghiệp vụ này đã bị ghi nhận sai, như thể là việc bán đã được thực hiện và điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, theo đó doanh thu tài chính được ghi nhận là 45 tỷ VND và khoán đầu tư liên quan được ghi giảm đi trên báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Ban Giám đốc đã điều chỉnh sai sót này bằng việc điều chỉnh hồi tố số dư đầu kỳ và các số liệu tương ứng, chi tiết như sau:

	31/12/2010 (Đã báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh sai sót VND	31/12/2010 (Đã điều chỉnh) VND
Bảng cân đối kế toán			
Phải thu khác	112.456.817.278	105.530.695.845	6.926.121.433
Đầu tư dài hạn khác	46.525.000.000	(65.030.695.845)	111.555.695.845
Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	16.872.526.595	11.250.000.000	5.622.526.595
Các khoản phải trả, phải nộp khác	226.851.319.217	(4.500.000.000)	231.351.319.217
Lợi nhuận chưa phân phối	251.338.342.928	33.750.000.000	217.588.342.928
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Doanh thu hoạt động tài chính	68.920.269.980	45.000.000.000	23.920.269.980
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	(15.548.992.697)	(11.250.000.000)	(4.298.992.697)

Người lập:

Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2012